

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**QUÝ I CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 31 tháng 3 năm 2020	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	6
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 8
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	9 - 35

\*\*\*\*\*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị, tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị, tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>288,531,462,955</b>	<b>286,474,040,308</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>95,792,864,064</b>	<b>71,419,929,315</b>
1. Tiền	111		40,792,864,064	46,419,929,315
2. Các khoản tương đương tiền	112		55,000,000,000	25,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>189,427,139,984</b>	<b>206,282,383,745</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	158,648,380,757	199,626,102,581
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	22,724,026,214	661,785,606
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	8,597,498,447	6,537,260,992
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(542,765,434)	(542,765,434)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3,311,458,907</b>	<b>8,771,727,248</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	252,458,748	420,075,634
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3,059,000,159	8,351,651,614
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,153,048,416,324</b>	<b>1,168,819,112,408</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>630,000,000</b>	<b>630,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	630,000,000	630,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>727,855,404,929</b>	<b>739,436,891,956</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	727,332,228,530	739,304,392,227
<i>Nguyên giá</i>	222		1,043,827,897,381	1,042,086,959,147
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(316,495,668,851)	(302,782,566,920)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	523,176,399	132,499,729
<i>Nguyên giá</i>	228		1,408,784,400	635,584,400
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(885,608,001)	(503,084,671)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>19,641,644,286</b>	<b>20,414,844,286</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	19,641,644,286	20,414,844,286
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2</b>	<b>27,638,210,000</b>	<b>27,638,210,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		20,400,000,000	20,400,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7,238,210,000	7,238,210,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>377,283,157,109</b>	<b>380,699,166,166</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	377,027,039,954	380,443,049,011
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.11	256,117,155	256,117,155
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,441,579,879,279</b>	<b>1,455,293,152,716</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,050,723,631,907</b>	<b>1,072,111,729,506</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>281,208,496,126</b>	<b>305,881,129,523</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	146,503,466,799	149,367,990,656
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1,305,239,948	4,998,174
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3,938,243,376	6,594,851,065
4. Phải trả người lao động	314		2,890,864,756	3,077,816,943
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	6,084,224,674	746,086,081
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16a	4,532,613,324	4,532,613,324
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	72,355,520,725	85,447,209,152
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	42,858,515,198	53,888,279,318
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	739,807,326	2,221,284,810
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>769,515,135,781</b>	<b>766,230,599,983</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12b	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16b	171,279,335,126	172,412,510,648
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	265,287,870,045	263,739,185,625
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	332,947,930,610	330,078,903,710
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

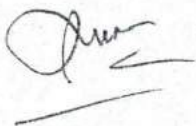
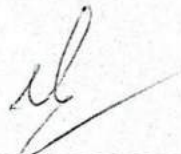
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>390,856,247,372</b>	<b>383,181,423,210</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20</b>	<b>390,856,247,372</b>	<b>383,181,423,210</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		245,022,450,000	245,022,450,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		245,022,450,000	245,022,450,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		82,344,043,945	82,344,043,945
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63,489,753,427	55,814,929,265
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		50,204,429,265	55,814,929,265
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		13,285,324,162	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,441,579,879,279</b>	<b>1,455,293,152,716</b>


Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Quỳnh Quang

Nguyễn Đức Khiêm

Trần Triệu Phú

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Đơn vị: VND)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	98,001,064,903	94,364,416,298	Năm trước
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	94,364,416,298
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		98,001,064,903	94,364,416,298	-
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	65,280,343,108	62,581,268,562	94,364,416,298
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32,720,721,795	31,783,147,736	62,581,268,562
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	1,221,223,211	598,917,708	31,783,147,736
7. Chi phí tài chính	22	VL4	8,087,066,493	6,490,352,048	598,917,708
Trong đó: chi phí lãi vay	23	VL4	7,883,673,478	6,452,464,126	6,490,352,048
8. Chi phí bán hàng	25	VL5	960,085,661	1,971,696,857	6,452,464,126
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL6	8,311,861,737	7,564,578,496	1,971,696,857
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16,582,931,115	16,355,438,043	7,564,578,496
11. Thu nhập khác	31	VL7	51,267,671	-	16,355,438,043
12. Chi phí khác	32	VL8	51,920,481	78,471,944	-
13. Lợi nhuận khác	40		(652,810)	(78,471,944)	78,471,944
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16,582,278,305	16,276,966,099	(78,471,944)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	3,296,954,143	3,265,685,449	16,276,966,099
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	3,265,685,449
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		13,285,324,162	13,011,280,650	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL9	-	-	13,011,280,650
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL9	-	-	-

Người lập biểu

Lê Quỳnh Quang

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Khiêm



**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16,582,278,305	16,276,966,099
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		14,095,625,261	11,522,328,725
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(693,697,489)	19,912,117
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(483,262,279)	(561,643,838)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	7,883,673,478	6,452,464,126
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37,384,617,276	33,710,027,229
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		22,503,368,973	(13,739,352,543)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10,082,736,727	33,066,349,104
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3,583,625,943	(6,673,836,662)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7,883,673,478)	(6,452,464,126)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(6,397,809,360)	(5,272,860,590)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(7,091,977,484)	(5,348,906,630)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>52,180,888,597</b>	<b>29,288,955,782</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,740,938,234)	(42,720,534,259)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		483,262,279	561,643,838
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1,257,675,955)</b>	<b>(42,158,890,421)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG - LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

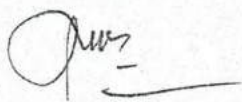
Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	2,869,026,900	18,940,675,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(11,029,764,120)	(9,883,330,620)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18,965,003,670)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(27,125,740,890)</i>	<i>9,057,344,380</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		23,797,471,752	(3,812,590,259)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	71,419,929,315	74,319,462,613
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		575,462,997	(5,461,384)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>95,792,864,064</u>	<u>70,501,410,970</u>

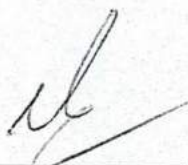
Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu




Lê Quỳnh Quang

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Khiêm

Giám đốc


  
Trần Triệu Phú

# CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Xếp dỡ hàng hóa, container;
- Đại lý giao nhận hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy;
- Dịch vụ phân loại, lưu trữ và đóng gói hàng hóa; đóng gói hàng container;
- Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải, thiết bị xếp dỡ;
- Cho thuê phương tiện vận tải, vỏ container, thiết bị xếp dỡ;
- Kinh doanh kho bãi;
- Kinh doanh dịch vụ logistics;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Cho thuê xe có động cơ./.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

#### **5. Cấu trúc Công ty**

##### ***Công ty con***

Công ty chỉ đầu tư vào 1 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long có trụ sở chính tại G243 Bùi Văn Hòa, KP7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là cho thuê kho bãi, lưu trữ hàng hóa; vận tải hàng hóa; bốc xếp hàng hóa, đóng gói hàng hóa. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 51%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 191 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 232 nhân viên).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

##### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Luru, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thuê cơ sở hạ tầng, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Chi phí thuê cơ sở hạ tầng*

Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa thể hiện chi phí bù lún, san lấp ban đầu cho phần đất Công ty đang sử dụng. Chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại tính từ thời điểm hoàn thành công tác bù lún, san lấp đến thời điểm hết thời hạn thuê quy định trên hợp đồng thuê đất.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3 – 5

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

##### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

#### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### 14. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	213.483.829	957.511.757
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	40.579.380.235	45.462.417.558
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	55.000.000.000	25.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>95.792.864.064</b>	<b>71.419.929.315</b>

##### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>20.400.000.000</i>	-	-	<i>20.400.000.000</i>	-	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long <sup>(i)</sup>	20.400.000.000	-	-	20.400.000.000	-	-
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>7.238.210.000</i>	-	-	<i>7.238.210.000</i>	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội <sup>(ii)</sup>	5.238.210.000	-	6.413.242.100	5.238.210.000	-	10.632.252.800
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long <sup>(iii)</sup>	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>27.638.210.000</b>	-	-	<b>27.638.210.000</b>	-	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602427771 ngày 24 tháng 12 năm 2010, thay đổi lần thứ nhất ngày 02 tháng 07 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long 20.400.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

(ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đầu tư cổ phiếu vào Ngân hàng TMCP Quân đội với giá trị 5.238.210.000 VND tương ứng với 473.302 cổ phần. Đây là khoản ủy thác đầu tư qua Công ty mẹ là Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603419910 ngày 08 tháng 11 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long 1.160.000.000 VND, tương đương 5,8% vốn điều lệ. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 05/2017/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 8 năm 2017 của Công ty phê duyệt việc góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long với số vốn góp là 2.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 2.000.000.000 VND, tương đương 8% vốn điều lệ.

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

#### Giao dịch với công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long</b>		
Cung cấp dịch vụ trong kỳ	201.321.171	202.307.649
Dịch vụ cho thuê kho dài hạn	90.000.000	137.500.000

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>9.849.553.012</b>	<b>3.727.423.982</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	7.661.311.676	1.611.720.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	203.056.848	255.006.506
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	12.884.136	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	68.484.102	166.697.476
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	1.903.816.250	1.694.000.000
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>148.798.827.745</b>	<b>195.898.678.599</b>
Công ty TNHH Dịch vụ Chuỗi cung ứng DHL Việt Nam	4.291.951.370	5.401.935.754
Công ty Global Home, K.S.	14.318.474.932	14.535.747.954
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	5.173.192.007	-
Công ty TNHH Pacorini Việt Nam	6.395.700.260	-
Công ty TNHH Tiến Nga	18.613.986.920	18.184.202.766
Công ty TNHH Dịch Vụ Giao nhận - Vận tải và Thương mại Công Thành	12.276.594.754	12.427.017.499
Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu	55.634.540.660	112.784.727.623
Các khách hàng khác	32.094.386.842	32.565.047.003
<b>Cộng</b>	<b>158.648.380.757</b>	<b>199.626.102.581</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Xây dựng T.CONNS	21.921.769.289	-
Các nhà cung cấp khác	802.256.925	661.785.606
<b>Cộng</b>	<b>22.724.026.214</b>	<b>661.785.606</b>

#### 5. Phải thu khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	2.947.496.181	-	2.583.197.709	-
Ký cược, ký quỹ	98.600.000	-	98.600.000	-
Các khoản chi hộ		-	568.860.021	-
Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu (chi phí thu, chi hộ và cược cont)	2.923.556.319	-	2.197.079.536	-
Phải thu về kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	32.904.387	-	328.028.682	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.594.941.560	-	761.495.044	-
<b>Cộng</b>	<b>8.597.498.447</b>	<b>-</b>	<b>6.537.260.992</b>	<b>-</b>

##### 5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	630.000.000	-	630.000.000	-

#### 6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>1.579.755.600</b>	<b>1.036.990.166</b>		<b>1.579.755.600</b>	<b>1.036.990.166</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện – Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	5.010.000	-	Trên 3 năm	5.010.000	-
Công ty TNHH Phát triển Sản xuất Hàng gia dụng và Công nghiệp – Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	49.320.000	-	Trên 3 năm	49.320.000	-
Công ty TNHH Con đường Vận chuyên – Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Từ 1 - 2 năm	607.993.490	303.996.745		607.993.490	303.996.745
Công ty TNHH JLL Express Việt Nam	Từ 6 tháng - năm	917.432.110	732.993.421		917.432.110	732.993.421
<b>Cộng</b>		<b>1.579.755.600</b>	<b>1.036.990.166</b>		<b>1.579.755.600</b>	<b>1.036.990.166</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	542.765.434	54.330.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	488.435.434
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>542.765.434</b>	<b>542.765.434</b>
<b>7. Chi phí trả trước</b>		
<b>7a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	28.153.899	64.904.466
Chi phí phần mềm	20.175.332	41.148.084
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	204.129.517	314.023.084
<b>Cộng</b>	<b>252.458.748</b>	<b>420.075.634</b>
<b>7b. Chi phí trả trước dài hạn</b>		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	327.314.742.473	329.987.886.490
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	48.489.893.889	48.996.671.236
Chi phí phần mềm	66.508.553	74.586.220
Chi phí hoa hồng	1.155.895.039	1.383.905.065
<b>Cộng</b>	<b>377.027.039.954</b>	<b>380.443.049.011</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	952.749.783.661	2.031.984.200	82.002.733.794	2.590.936.477	2.711.521.015	1.042.086.959.147
Mua sắm trong kỳ	-	902.157.273	-	-	-	902.157.273
Đầu tư XDCB hoàn thành	838.780.961	-	-	-	-	838.780.961
Số cuối kỳ	<b>953.588.564.622</b>	<b>2.934.141.473</b>	<b>82.002.733.794</b>	<b>2.590.936.477</b>	<b>2.711.521.015</b>	<b>1.043.827.897.381</b>
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.161.699.609	932.406.400	39.071.050.619	2.049.114.477	1.335.871.700	45.550.142.805
Chờ thanh lý						

**Giá trị hao mòn**

Số đầu năm	238.441.879.468	1.182.652.480	58.368.680.678	2.448.106.140	2.341.248.154	302.782.566.920
Khấu hao trong kỳ	12.166.508.130	76.801.404	1.343.951.913	45.151.833	80.688.651	13.713.101.931
Số cuối kỳ	<b>250.608.387.598</b>	<b>1.259.453.884</b>	<b>59.712.632.591</b>	<b>2.493.257.973</b>	<b>2.421.936.805</b>	<b>316.495.668.851</b>

**Giá trị còn lại**

Số đầu năm	714.307.904.193	849.331.720	23.634.053.116	142.830.337	370.272.861	739.304.392.227
Số cuối kỳ	<b>702.980.177.024</b>	<b>1.674.687.589</b>	<b>22.290.101.203</b>	<b>97.678.504</b>	<b>289.584.210</b>	<b>727.332.228.530</b>

**Trong đó:**

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 653.550.362.470 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú và Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Biên Hòa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****9. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm quản lý. Chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	635.584.400	(503.084.671)	132.499.729
Mua sắm trong kỳ	773.200.000	-	773.200.000
Khấu hao trong kỳ	-	(382.523.330)	(382.523.330)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.408.784.400</b>	<b>(885.608.001)</b>	<b>523.176.399</b>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 434.504.400

Chờ thanh lý

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	1.366.200.000	902.157.273	(1.675.357.273)	593.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	19.048.644.286	838.780.961	(838.780.961)	19.048.644.286
Hạng mục san gạt mặt bằng - Khu đất 76 ha	19.048.644.286	-	-	19.048.644.286
Hạng mục thi công nhà vệ sinh trong xưởng và cầu nổi kho 22	-	261.604.512	(261.604.512)	-
Hạng mục thi công sàn để xe nâng kho 16	-	274.056.914	(274.056.914)	-
Hạng thi công mương thoát nước cửa xả kho 19	-	303.119.535	(303.119.535)	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.414.844.286</b>	<b>1.740.938.234</b>	<b>(2.514.138.234)</b>	<b>19.641.644.286</b>

**11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	256.117.155	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	-	256.117.155
Phát sinh trong kỳ	-	256.117.155
Hoàn nhập trong kỳ	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>256.117.155</b>	<b>256.117.155</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>132.475.133.565</b>	<b>132.284.733.447</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	125.137.491.967	125.051.777.287
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	390.205.100	221.319.990
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	290.964.170	354.164.170
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	6.775.000	7.840.000
Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng – STC	1.055.328	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	-	990.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>14.028.333.234</b>	<b>17.083.257.209</b>
Công ty TNHH An Trung Phát	2.273.114.789	3.241.391.311
Công ty Cổ phần Hai hai Mười hai	1.115.962.133	1.335.139.657
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Thiết kế M&T	1.179.195.911	2.497.349.819
Công ty Cổ phần Xây dựng Vận tải Số Chín	1.866.529.100	1.866.529.100
Các nhà cung cấp khác	7.593.531.301	8.142.847.322
<b>Cộng</b>	<b>146.503.466.799</b>	<b>149.367.990.656</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cục thuế tỉnh Đồng Nai	1.303.352.568	-
Các nhà cung cấp khác	1.887.380	4.998.174
<b>Cộng</b>	<b>1.305.239.948</b>	<b>4.998.174</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối kỳ</u>
	<u>Phải nộp</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải nộp</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.397.809.360	3.296.954.143	(6.397.809.360)	3.296.954.143	
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ bên hợp tác kinh doanh	-	491.194.262	-	491.194.262	
Thuế thu nhập cá nhân	197.041.705	322.519.056	(369.465.790)	150.094.971	
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	
<b>Cộng</b>	<b>6.594.851.065</b>	<b>4.113.667.461</b>	<b>(6.770.275.150)</b>	<b>3.938.243.376</b>	

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ cung cấp cho các hãng tàu nước ngoài	0%
Cung cấp nước sạch	5%
Các dịch vụ khác	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.582.278.305	16.276.966.099
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	32.480.716	51.461.144
- Các khoản điều chỉnh tăng	982.973.827	51.461.144
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	51.920.481	51.461.144
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá tiền và các khoản công nợ phải thu cuối năm nay</i>	931.053.346	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(950.493.111)	-
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tiền, phải thu ngắn hạn có gốc ngoại tệ cuối năm trước thực hiện trong năm nay</i>	(19.556.357)	-
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá tiền và các khoản công nợ phải thu cuối kỳ này</i>	(930.936.754)	-
Thu nhập chịu thuế	16.614.759.021	16.328.427.243
Thu nhập được miễn thuế	(129.988.308)	-
Lỗi các kỳ trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	16.484.770.713	16.328.427.243
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>3.296.954.143</b>	<b>3.265.685.449</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>126.207.636</b>	<b>15.986.818</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	126.207.636	-
<i>Chi phí khác</i>	126.207.636	15.986.818
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>5.958.017.038</b>	<b>730.099.263</b>
Chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển	4.049.702.774	410.093.756
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	1.449.000.000	-
Trích trước lãi vay vốn hóa vào công trình	-	34.585.507
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	459.314.264	285.420.000
<b>Cộng</b>	<b>6.084.224.674</b>	<b>746.086.081</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**16. Doanh thu chưa thực hiện**

Là doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các hợp đồng cho thuê cơ sở hạ tầng, thuê kho, thuê mái vòm, chi tiết như sau:

**16a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</b>	<b>2.081.439.497</b>	<b>2.081.439.497</b>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	936.067.596	936.067.596
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	1.145.371.901	1.145.371.901
<b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức khác</b>	<b>2.451.173.827</b>	<b>2.451.173.827</b>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Long Bình	451.592.431	451.592.431
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải và Thương mại Công Thành	1.999.581.396	1.999.581.396
<b>Cộng</b>	<b>4.532.613.324</b>	<b>4.532.613.324</b>

**16b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</b>	<b>78.883.990.513</b>	<b>79.404.350.389</b>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long	35.821.903.728	36.055.920.627
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	43.062.086.785	43.348.429.762
<b>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức khác</b>	<b>92.395.344.613</b>	<b>93.008.160.259</b>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Long Bình	16.772.954.762	16.885.852.871
Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Vận tải và Thương mại Công Thành	75.622.389.851	76.122.307.388
<b>Cộng</b>	<b>171.279.335.126</b>	<b>172.412.510.648</b>

**17. Phải trả khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>52.988.577.756</b>	<b>67.862.133.796</b>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	52.988.577.756	51.567.153.593
Phải trả tiền thuê đất, tiền ăn ca	52.908.577.756	48.999.633.796
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	18.862.500.000
Phải trả khác	80.000.000	-
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>19.366.942.969</b>	<b>17.585.075.356</b>
Kinh phí công đoàn	214.375.475	230.388.159
Bảo hiểm xã hội	636.994.053	586.001.433
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.155.471.847	4.470.456.912
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (phải trả liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh)	10.651.703.033	8.686.925.985

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.961.681.095	2.064.184.765
Các khoản chi hộ khách hàng	-	541.365.870
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.746.717.466	1.005.752.232
<b>Cộng</b>	<b>72.355.520.725</b>	<b>85.447.209.152</b>

#### 17b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các tổ chức khác</b>	<b>265.287.870.045</b>	<b>263.739.185.625</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	135.875.954.670	75.443.439.500
Phải trả về hợp tác kinh doanh	91.470.000.000	91.470.000.000
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình - Phải trả tiền hợp tác kinh doanh dài hạn tại kho hàng <sup>(ii)</sup>	37.941.915.375	96.825.746.125
<b>Cộng</b>	<b>265.287.870.045</b>	<b>263.739.185.625</b>

(i) Chi tiết các hợp đồng và phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh xây dựng và khai thác kho như sau:

- ✓ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 485/HĐ-ICDLB-SZB ngày 21 tháng 09 năm 2013 hợp tác đầu tư xây dựng kho 1A tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình, thời hạn là 45 năm kể từ ngày ký hợp đồng, trong đó Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình góp 49% vốn tự có, tương đương 24.990.000.000 VND.
- ✓ Phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh số 485/HĐ-ICDLB-SZB/PL1 ngày 08 tháng 05 năm 2014 hợp tác đầu tư xây dựng thêm kho 14A tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình, trong đó Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình góp 49% vốn tự có, tương đương 27.139.000.000 VND. Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và duy trì hiệu lực theo thời gian của hợp đồng số 485/HĐ-ICDLB-SZB ngày 21 tháng 09 năm 2013.
- ✓ Phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh số 485/HĐ-ICDLB-SZB/PL2 ngày 15 tháng 06 năm 2015 hợp tác đầu tư xây dựng thêm kho 20 tại khu kinh tế quốc phòng Tân Cảng Long Bình, trong đó Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình góp 49% vốn tự có, tương đương 39.341.000.000 VND. Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và duy trì hiệu lực theo thời gian của hợp đồng số 485/HĐ-ICDLB-SZB ngày 21 tháng 09 năm 2013 và Phụ lục số 01.

(ii) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/HĐ-ICDLB-Tavico ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc Đầu tư xây dựng và kinh doanh kho, bãi, nhà xưởng, trung tâm phân phối với Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu trên diện tích cơ sở hạ tầng khoảng 38,012 ha/130,3 ha. Tổng vốn hợp doanh là 820.000.000.000 VND.

Công ty góp khoảng 25% với giá trị 205.000.000.000 VND bằng giá trị quyền khai thác cơ sở hạ tầng có giá trị tương đương với khoản đầu tư để xây dựng cơ sở hạ tầng như toàn bộ hàng rào quanh khu đất, san lấp mặt bằng, hệ thống thoát nước, hệ thống trạm điện, hệ thống cấp nước phòng cháy chữa cháy. Công ty Cổ phần Tân Vĩnh Cửu góp khoảng 75% với giá trị 615.000.000.000 VND bằng giá trị xây dựng hệ thống nhà kho, nhà xưởng, bãi và các công trình phụ trợ.

#### 17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**18. Vay và nợ thuê tài chính****18a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	42.858.515.198	53.888.279.318
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	42.858.515.198	49.252.784.498
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú</i>	31.858.515.198	38.888.279.318
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa</i>	11.000.000.000	15.000.000.000
<b>Cộng</b>	<u>42.858.515.198</u>	<u>53.888.279.318</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	53.888.279.318
Số tiền vay phát sinh	-
Kết chuyển từ vay dài hạn	-
Số tiền vay đã trả	<u>(11.029.764.120)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<u>42.858.515.198</u>

**18b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh An Phú <sup>(i)</sup>	180.677.354.142	175.577.354.142
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa <sup>(ii)</sup>	69.821.264.068	74.921.264.068
Ngân hàng Thương mại Cổ phần phát triển Thành phố Hồ Chí Minh <sup>(iii)</sup>	82.449.312.400	79.580.285.500
<b>Cộng</b>	<u>332.947.930.610</u>	<u>330.078.903.710</u>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú để tài trợ:
- ✓ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay có liên quan. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
  - ✓ Đầu tư mua 02 cầu khung bánh lốp Kalmar, thời gian vay 96 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
  - ✓ Đầu tư nhập khẩu 05 xe nâng điện hiệu TCM, thời gian vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
  - ✓ Đầu tư xây dựng tuyến cống D2000, thời gian vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp kho hàng số 13 và kho hàng quản chấp.
  - ✓ Đầu tư nhập khẩu 03 xe nâng điện hiệu TCM theo hợp đồng ngoại thương GV22030517 ngày 22/03/2017, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
  - ✓ Đầu tư xây dựng kho nguyên liệu hóa chất phục vụ may mặc (kho 9A), thời hạn vay 96 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- ✓ Thanh toán tiền thuê đất cho Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 02/HĐ-ICDLB ngày 24 tháng 9 năm 2009 và Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 181/TCT-KHKD ngày 01 tháng 01 năm 2015, các phụ lục kèm theo (một phần giai đoạn 1 và năm 2017, 2018 của giai đoạn 2). Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền khai thác cơ sở hạ tầng của giai đoạn 1 diện tích 104.000 m<sup>2</sup> và các công trình xây dựng hình thành trên đất thuộc giai đoạn 1 (khu hàng số 1, 2, 3, bãi container 3ha, khu nhà + bãi kiểm hóa, nhà ăn, nhà nghỉ, nhà + công văn phòng) và quyền khai thác cơ sở hạ tầng của giai đoạn 2 diện tích 48.000 m<sup>2</sup> và công trình xây dựng hình thành trên đất thuộc giai đoạn 2 gồm kho hàng số 4 và số 8.
  - ✓ Chi phí san lấp mặt bằng tạo nền kho 22 và 23 ICD Tân Cảng Long Bình. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền khai thác cơ sở hạ tầng diện tích 15.300 m<sup>2</sup> thuộc kho 19, quyền khai thác cơ sở hạ tầng diện tích 16.200 m<sup>2</sup> thuộc kho 22 và 23 trên khu đất 25ha thuộc khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình và quyền khai thác công trình xây dựng dự án Đầu tư xây dựng kho hàng số 19 hình thành trên khu đất 25ha thuộc khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình.
  - ✓ Chi phí xây dựng kho số 21 ICD Tân Cảng Long Bình. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền khai thác cơ sở hạ tầng diện tích 12.875 m<sup>2</sup> thuộc kho 21 trên khu đất 25ha thuộc khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình và quyền khai thác công trình xây dựng dự án đầu tư xây dựng cụm kho hàng số 21 hình thành trên khu đất 25ha thuộc khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình.
  - ✓ Chi phí xây dựng kho số 19 ICD Tân Cảng Long Bình. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền khai thác cơ sở hạ tầng diện tích 15.300 m<sup>2</sup> thuộc kho 19, quyền khai thác cơ sở hạ tầng diện tích 16.200 m<sup>2</sup> thuộc kho 22 và 23 trên khu đất 25ha thuộc khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình và quyền khai thác công trình xây dựng dự án Đầu tư xây dựng kho hàng số 19 hình thành trên khu đất 25ha thuộc khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình.
  - ✓ Chi phí nhập khẩu 10 xe nâng dầu hiệu TCM theo hợp đồng ngoại thương số GV25120918 ngày 25/12/2018, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Các khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa để đầu tư xây dựng nhà kho, thời hạn vay từ 120 tháng đến 144 tháng, lãi suất quy định trên từng kế ước nhận nợ. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 40925/19MN/HĐTD ngày 05/11/2019 để thanh toán, bù đắp chi phí đầu tư xây dựng, thiết bị Dự án đầu tư xây dựng kho số 1&2 khu 8,9 ha ICD Tân Cảng – Long Bình, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp Công trình xây dựng trên đất và quyền khai thác công trình xây dựng hình thành từ Dự án đầu tư xây dựng kho số 1&2 khu 8,9 ha ICD Tân Cảng – Long Bình, toàn bộ lợi ích phát sinh từ dự án này và quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng (khu 6.783 ha thuộc Khu dịch vụ Tân Cảng Long Bình khu 130 ha) số 287/TCT-KHKD ngày 01/09/2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	42.858.515.198	51.545.652.165
Trên 1 năm đến 5 năm	189.809.587.149	187.628.733.699
Trên 5 năm	143.138.343.461	95.470.307.083
<b>Cộng</b>	<b>375.806.445.808</b>	<b>334.644.692.947</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	330.078.903.710	276.334.564.069
Số tiền vay phát sinh	2.869.026.900	18.940.675.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	-	(12.176.198.287)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>332.947.930.610</b>	<b>283.099.040.782</b>

**18c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích		Số cuối kỳ
		lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	
Quỹ khen thưởng	530.897.976	4.412.100.000	(4.676.100.000)	266.897.976
Quỹ phúc lợi	1.256.598.523	956.000.000	(2.036.877.484)	175.721.039
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	433.788.311	242.400.000	(379.000.000)	297.188.311
<b>Cộng</b>	<b>2.221.284.810</b>	<b>5.610.500.000</b>	<b>(7.091.977.484)</b>	<b>739.807.326</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	245.022.450.000	51.352.641.297	77.055.944.589	373.431.035.886
Lợi nhuận trong kỳ trước			13.011.280.650	13.011.280.650
Trích lập các quỹ		9.164.542.500	(18.763.941.767)	(9.599.399.267)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>245.022.450.000</b>	<b>60.517.183.797</b>	<b>71.303.283.472</b>	<b>376.842.917.269</b>
Số đầu năm	245.022.450.000	82.344.043.945	55.814.929.265	383.181.423.210
Lợi nhuận trong kỳ này		-	13.285.324.162	13.285.324.162
Trích lập các quỹ		(5.610.500.000)	-	(5.610.500.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>245.022.450.000</b>	<b>76.733.543.945</b>	<b>69.100.253.427</b>	<b>390.856.247.372</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	125.750.000.000	125.750.000.000
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân Đội	18.750.000.000	18.750.000.000
Các cổ đông khác	100.522.450.000	100.522.450.000
<b>Cộng</b>	<b>245.022.450.000</b>	<b>245.022.450.000</b>

### 20c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.502.245	24.502.245
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.502.245	24.502.245
- Cổ phiếu phổ thông	24.502.245	24.502.245
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.502.245	24.502.245
- Cổ phiếu phổ thông	24.502.245	24.502.245
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

#### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 1.064.654,87 USD (số đầu năm là 770.684,03 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ cho thuê kho và các dịch vụ đi kèm	96.026.648.236	92.286.082.632
Doanh thu dịch vụ cho thuê cầu tại Cát Lái	1.974.416.667	2.078.333.666
<b>Cộng</b>	<b>98.001.064.903</b>	<b>94.364.416.298</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH**

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</b>		
Dịch vụ cung cấp cho Công ty mẹ	7.719.090.347	4.620.120.590
Cho Công ty mẹ thuê cầu tại Cảng Cát Lái	1.974.416.667	2.078.333.666
<b>Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	524.389.474
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</b>		
Cung cấp dịch vụ	11.777.586	9.840.424
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</b>		
Cung cấp dịch vụ	108.168.891	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long</b>		
Cung cấp dịch vụ	209.816.250	213.086.250
<b>Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	11.449.151
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ cho thuê kho và các dịch vụ đi kèm	64.600.381.834	61.901.307.288
Giá vốn dịch vụ cho thuê cầu tại Cát Lái	679.961.274	679.961.274
<b>Cộng</b>	<b>65.280.343.108</b>	<b>62.581.268.562</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	353.273.971	561.643.838
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	21.663.369	20.880.962
Cổ tức, lợi nhuận được chia	129.988.308	-
Lãi bán ngoại tệ	5.977.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	16.623.074	16.392.908
Lãi chênh lệch đánh giá ngoại tệ	693.697.489	-
<b>Cộng</b>	<b>1.221.223.211</b>	<b>598.917.708</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.883.673.478	6.452.464.126
Chi phí bảo lãnh hợp đồng	197.842.244	-
Lỗ bán ngoại tệ	21.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5.529.771	17.975.805
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	19.912.117
<b>Cộng</b>	<b>8.087.066.493</b>	<b>6.490.352.048</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí khấu hao tài sản cố định	261.599.999	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	271.646.390	1.535.891.214
Các chi phí khác	426.839.272	435.805.643
<b>Cộng</b>	<b>960.085.661</b>	<b>1.971.696.857</b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3.530.339.795	3.499.097.829
Chi phí vật liệu quản lý	532.732.489	377.549.268
Chi phí đồ dùng văn phòng	335.989.540	447.762.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	722.763.807	717.334.803
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	270.167.263	946.000.730
Các chi phí khác	2.916.868.843	1.573.832.906
<b>Cộng</b>	<b>8.311.861.737</b>	<b>7.564.578.496</b>

#### 7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt chấm dứt hợp đồng lao động	19.996.000	-
Tiền phạt chậm trả	2.788.651	-
Thu nhập khác	28.483.020	-
<b>Cộng</b>	<b>51.267.671</b>	<b>-</b>

#### 8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	1.070.481	1.271.144
Chi phí bồi thường	-	27.010.800
Tiền ăn của Hải quan	50.850.000	50.190.000
<b>Cộng</b>	<b>51.920.481</b>	<b>78.471.944</b>

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.001.534.086	1.612.915.957
Chi phí nhân công	10.157.482.456	14.309.468.119
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.095.625.261	11.522.328.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.917.296.165	41.996.451.405
Chi phí khác	3.380.352.538	2.676.379.709
<b>Cộng</b>	<b>74.552.290.506</b>	<b>72.117.543.915</b>

#### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

##### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

###### Bên liên quan khác

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn  
Công ty Cổ phần Tiếp vận Thành Long  
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng  
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng  
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Cái Mép

###### Mối quan hệ

Công ty mẹ  
Công ty con  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn  
Công ty cùng Tập đoàn

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Luru, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cypress	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển nguồn nhân lực Tân Cảng – STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần DIC Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long	Công ty cùng người đại diện pháp luật

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i></b>		
Chi phí mua vật tư, dịch vụ	273.135.654	144.464.250
Phí thuê cơ sở hạ tầng	-	29.225.143.492
<b><i>Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng</i></b>		
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	-	1.418.181
<b><i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng</i></b>		
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	535.986.482	180.071.961
<b><i>Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép</i></b>		
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	6.640.909	772.727
<b><i>Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng</i></b>		
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	93.600.000	65.100.000
<b><i>Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng STC</i></b>		
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	1.055.328	-
<b><i>Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng</i></b>		
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	-	607.910.890
<b><i>Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng</i></b>		
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	-	15.250.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG – LONG BÌNH

Địa chỉ: Số 10, đường Phan Đăng Lưu, khu phố 7, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng</i>		
Sử dụng dịch vụ trong kỳ	-	2.373.054.547
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư ICD Tân Long</i>		
Chi phí thuê kho trong kỳ	9.066.330.000	9.066.330.000

#### Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12, V.16 và V.17.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận do hoạt động của Công ty chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ cho thuê kho và dịch vụ đi kèm, tại một khu vực địa lý là trong lãnh thổ Việt Nam.

## 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 20 tháng 4 năm 2020

Người lập biểu

Lê Quỳnh Quang

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Khiêm

Giám đốc



Trần Triệu Phú